

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-PT.

Ngày: 29-5-2020.

V/v tranh chấp biểu, hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Trần Thế Cẩm**;

Bà **Nguyễn Thị Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp biểu, hội”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 149/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2020/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Thân Thị Thanh T**, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 355 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (*Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2019*). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 17 đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ông **Huỳnh T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 17 đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày:

Năm 2011, bà Bùi Thị N cầm cái biêu, bà tham gia chơi 02 chân biêu, mỗi chân 3.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền biêu bà đóng cho bà N là 50.000.000 đồng, nhưng ông Huỳnh T (*chồng bà N*) đã trả cho bà được 8.000.000 đồng nên bà N còn nợ của bà số tiền 42.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi, số tiền bà N còn nợ lại là 37.900.000 đồng, bà yêu cầu bà N phải có trách nhiệm trả cho bà toàn bộ số tiền này.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Vào năm 2011, bà có cầm cái biêu, bà Nguyễn Thị M và bà Huỳnh Thị H có tham gia chơi biêu do bà cầm cái. Bà M có ghi tên nhiều người và anh, chị, em thân quen, trong đó có tên P H, bà M nói bảo lãnh và chịu trách nhiệm những chân biêu đó và bà đã hốt biêu hết. Bà H có chơi biêu, ghi tên P H và đóng biêu, bà H chưa hốt biêu. Bà Huỳnh Thị P không chơi biêu do bà cầm cái, bà chưa bao giờ nhận tiền đóng biêu từ bà P nên việc bà P khởi kiện yêu cầu bà trả tiền nợ 02 chân biêu, mỗi chân 3.000.000 đồng, tổng cộng 37.900.000 đồng là không đúng; bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Trước đây, bà Huỳnh Thị P có tham gia chơi biêu do bà Bùi Thị N cầm cái, việc hốt biêu hay đóng biêu giữa bà P và bà N thì bà không biết. Bà không có tham gia chơi biêu do bà N cầm cái với tên P H, bà không có liên quan trong vụ này và cũng không biết hiện nay bà N có còn nợ tiền biêu bà P hay không.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H trình bày:

Năm 2011, bà có tham gia chơi biêu do bà N cầm cái nhưng là chơi cho bà, chứ không dùng tên P H để tham gia chơi biêu với bà N; việc chơi biêu giữa bà N và bà P thì bà không biết. Bà không liên quan trong vụ án này nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong tất cả quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T trình bày:

Việc chơi biêu giữa bà N và bà P, ông hoàn toàn không biết nên không có việc ông trả cho bà P số tiền 8.000.000 đồng như bà P trình bày. Ông không có liên quan trong vụ án này nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 149/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P đối với bà Bùi Thị N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/12/2019, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị P thì thấy:

[2.1] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị N trả cho bà số tiền biểu là 37.900.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo bà P yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền biểu và lãi tổng cộng là 42.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của bà P về tiền lãi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết nên căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đối với yêu cầu này; chỉ xem xét phần kháng cáo của bà P đối với số tiền 37.900.000 đồng mà bản án sơ thẩm đã giải quyết.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P cho rằng bà có tham gia chơi 02 chân biêu do bà N cầm cái và đã đóng cho bà N được số tiền là 50.000.000 đồng. Nhưng, ngoài bản photo giấy mời biêu của bà N vào ngày 18/02/2011, bà

P không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh là bà có đóng tiền biểu cho bà N và việc này cũng không được bà N thừa nhận. Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà số tiền biểu còn nợ nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị P cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tại phiên tòa, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do bà P là người cao tuổi và có đơn đề nghị nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 149/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 147, 148 và 293 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P đối với bà Bùi Thị N về việc “Tranh chấp biểu, hụi”.

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị P được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/5/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo